

# QUỐC HỘI KHÓA I - HOÀN THIỆN NHÀ NƯỚC VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HÒA VÀ ĐỒNG HÀNH CÙNG DÂN TỘC HIỆN THỰC HÓA LỜI THỀ ĐỘC LẬP

NGUYỄN VĂN NHẬT\*

**Tóm tắt:** Ngày 2 tháng 9 năm 1945, sau khi Cách mạng tháng Tám thành công, tại Vườn hoa Ba Đình, Hà Nội, Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt Chính phủ lâm thời đọc bản Tuyên ngôn độc lập tuyên bố trước quốc dân Việt Nam và thế giới sự ra đời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và khẳng định: “Toàn thể dân Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mệnh và của cải để giữ vững quyền tự do và độc lập ấy”. Tuy vậy, lúc này Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa chưa là một nhà nước hoàn chỉnh về pháp lý và chưa được một quốc gia nào trên thế giới công nhận. Sự ra đời của Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa khóa I và hoạt động của Quốc hội trong 14 năm đã hiện thực hóa Lời thề độc lập của toàn dân Việt Nam với việc hoàn thiện Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa về mặt pháp lý và cùng dân tộc tiến hành thắng lợi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, chuẩn bị các điều kiện để đưa đất nước sang thời kỳ mới - thời kỳ xây dựng chủ nghĩa xã hội và đấu tranh thống nhất nước nhà.

**Từ khóa:** Quốc hội khóa I, Hiến pháp, Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

**Abstract:** On September 2, 1945, following the success of the August Revolution, at Ba Đình Square in Hanoi, President Hồ Chí Minh, on behalf of the Provisional Government, proclaimed the Declaration of Independence before the Vietnamese people and the world, announcing the establishment of the Democratic Republic of Vietnam and affirming that “the entire Vietnamese people are determined to mobilize all their spirit and strength, their lives and property, to safeguard this freedom and independence.” However, at that moment, the government of the Democratic Republic of Vietnam had not yet constituted a fully developed legal state and had not been recognized by any country in the world. The establishment of the First National Assembly of the Democratic Republic of Vietnam and its activities over a fourteen-year period gave concrete realization to the national Oath of Independence by completing the legal foundations of the state. At the same time, it accompanied the nation in successfully conducting the resistance war against French colonialism and in preparing the necessary conditions for transitioning the country into a new era - the period of socialist construction and the struggle for national reunification.

**Keywords:** The First National Assembly, Constitution, Democratic Republic of Vietnam.

**Ngày nhận bài:** 10/9/2025; **Ngày phản biện:** 15/11/2025; **Ngày duyệt đăng:** 10/12/2025.

## 1. Đặt vấn đề

Ngày 2 tháng 9 năm 1945, tại Vườn hoa Ba Đình, Hà Nội, thay mặt Chính phủ lâm thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc bản *Tuyên ngôn độc lập* tuyên bố trước quốc dân Việt Nam và thế giới sự ra đời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và khẳng định: “Toàn thể dân Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mệnh và của cải để giữ vững quyền tự do và độc lập ấy”. Tuy vậy, lúc này Chính phủ

Việt Nam Dân chủ Cộng hòa chưa là một nhà nước hoàn chỉnh về pháp lý và chưa được một quốc gia nào trên thế giới công nhận. Sự ra đời của Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa khóa I và hoạt động của Quốc hội trong 14 năm đã hiện thực hóa Lời thề độc lập của toàn dân Việt Nam với việc hoàn thiện Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và cùng dân tộc tiến hành thắng lợi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, chuẩn bị các điều kiện để đưa đất nước

\*PGS.TS. Viện Sử học, Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam. Email: nhatvsh@gmail.com

sang thời kỳ mới, thời kỳ xây dựng chủ nghĩa xã hội và đấu tranh thống nhất nước nhà.

## 2. Kết quả và thảo luận

### 2.1. Quốc hội khóa I - Xây dựng và hoàn thiện Nhà nước Dân chủ Cộng hòa

Sau khi Cách mạng tháng Tám thành công, ngày 25-8-1945, Ủy ban Dân tộc giải phóng do Quốc dân Đại hội Tân Trào cử ra được cải tổ thành Chính phủ lâm thời nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Ngày 2-9-1945, tại Vườn hoa Ba Đình, Hà Nội, trước sự chứng kiến của hàng vạn nhân dân Thủ đô, thay mặt Chính phủ lâm thời, Hồ Chí Minh trình trọng đọc bản *Tuyên ngôn độc lập*, khẳng định thoát ly hẳn quan hệ với thực dân Pháp, xóa bỏ hết những hiệp ước mà Pháp đã ký về nước Việt Nam, xóa bỏ tất cả mọi đặc quyền của Pháp trên đất nước Việt Nam và tuyên bố “Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thực đã thành một nước tự do và độc lập. Toàn thể dân Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mệnh và của cải để giữ vững quyền tự do và độc lập ấy” (Hồ Chí Minh toàn tập, 2011: 3). Tuyên bố của Hồ Chí Minh trong Tuyên ngôn độc lập không chỉ gọi dậy ý thức về chủ quyền, về dân tộc của mỗi con người Việt Nam, mà còn đặt cơ sở pháp lý quan trọng, tạo dựng địa vị hợp pháp cho nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Tuy vậy, khi tuyên bố thành lập, Việt Nam Dân chủ Cộng hòa chưa đủ cơ sở pháp lý và địa vị hợp pháp của nhà nước cộng hòa, chưa có Quốc hội, Hiến pháp và cơ quan tư pháp - những thành tố cơ bản của một nhà nước cộng hòa dân chủ. Về quan hệ quốc tế, cho đến tận năm 1949, Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa bị bao vây bốn phía, chưa có một quốc gia nào trên thế giới công nhận.

Không những vậy, khi mới thành lập, Việt Nam đứng trước muôn vàn khó khăn. Lây danh nghĩa quân đồng minh vào giải giáp quân đội Nhật, 20 vạn quân đội Trung Hoa dân quốc có mặt hầu hết các tỉnh Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ.

Quân đội Trung Hoa Dân quốc đòi tước vũ khí, tấn công và đòi giải tán các lực lượng vũ trang của Việt Nam. Theo chân quân đội Trung Hoa Dân quốc là bọn phản động trong Việt Nam Quốc dân Đảng và Việt Nam Cách mạng Đồng minh Hội với âm mưu lật đổ Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Ở miền Nam, ngày 6-9-1945, quân Anh kéo vào Sài Gòn và theo gót quân Anh là những đơn vị bộ binh và xe bọc thép của quân đội viễn chinh Pháp. Ngày 23-9-1945, quân Pháp nổ súng đánh chiếm Sài Gòn và sau đó, đánh rộng ra các tỉnh Nam Bộ và Nam Trung Bộ.

Trong khi đó, sau khi giành được độc lập, chính quyền cách mạng và nhân dân Việt Nam gặp muôn vàn khó khăn. Nền kinh tế vốn nghèo nàn, lạc hậu, lại bị Pháp, Nhật vơ vét, bị chiến tranh và thiên tai tàn phá nặng nề, gần 2 triệu người bị chết trong nạn đói khủng khiếp. Sản xuất công nghiệp đình đốn, hàng vạn công nhân không có việc làm. Ngoại thương bế tắc, hàng hóa khan hiếm, giá cả cao vọt. Nền tài chính khó khăn, kho bạc trống rỗng, ngân hàng Đông Dương vẫn nằm trong tay tư bản Pháp. Về văn hóa, hơn 90% dân số mù chữ. Trong khi đó, chính quyền cách mạng vừa mới thành lập chưa có kinh nghiệm xây dựng, tổ chức, quản lý đất nước. Lực lượng vũ trang cách mạng còn quá nhỏ bé, trang bị vũ khí còn thô sơ, kinh nghiệm chiến đấu còn ít. Vận mệnh của cách mạng Việt Nam, dân tộc Việt Nam đang đứng trước thử thách vô cùng nghiêm trọng. Chính quyền nhân dân có thể bị lật đổ, nền độc lập mới giành được có thể bị thủ tiêu, nhân dân Việt Nam có nguy cơ trở lại cuộc sống nô lệ.

Trong hoàn cảnh khó khăn như vậy, cùng với nhiệm vụ “phải củng cố chính quyền chống thực dân Pháp xâm lược, bài trừ nội phản, cải thiện đời sống cho nhân dân”, một trong những nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của chính quyền cách mạng là “xúc tiến việc đi đến Quốc hội để quy định hiến pháp, bầu Chính phủ chính thức” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2000: 26-27).

Ngày 3-9-1945, trong phiên họp đầu tiên của Chính phủ lâm thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói: “Trước chúng ta đã bị chế độ quân chủ chuyên chế cai trị, rồi đến chế độ thực dân không kém phần chuyên chế, nên nước ta không có Hiến pháp. Nhân dân ta không được hưởng quyền tự do dân chủ. Chúng ta phải có một Hiến pháp dân chủ. Tôi đề nghị Chính phủ tổ chức càng sớm càng hay cuộc Tổng tuyển cử với chế độ phổ thông đầu phiếu” (Hồ Chí Minh toàn tập, t.4, 2011: 7).

Tiếp đó, ngày 8-9-1945, thay mặt Chủ tịch Chính phủ lâm thời, Bộ trưởng Bộ Nội vụ Võ Nguyên Giáp đã ký Sắc lệnh số 14-SL về cuộc Tổng tuyển cử để bầu Quốc hội; ngày 20-9-1945, ban hành Sắc lệnh số 34-SL thành lập Ủy ban dự thảo Hiến pháp.

Để có bản Hiến pháp trình Quốc hội, Ủy ban dự thảo Hiến pháp do Chủ tịch Hồ Chí Minh chủ trì đã khẩn trương hoàn thành bản Dự thảo. Bản dự thảo Hiến pháp được đăng trên báo *Cứu quốc* kèm theo thông báo của Chính phủ đề nghị toàn dân đọc kỹ càng và tự do bàn bạc, phê bình, góp ý.

Để cuộc Tổng tuyển cử diễn ra thuận lợi và thành công, ngày 1-1-1946, Chính phủ lâm thời cải tổ, mở rộng thành Chính phủ Liên hiệp lâm thời, với sự tham gia của đại diện các đảng phái khác như Việt Nam Quốc dân Đảng, Việt Nam Cách mạng Đảng. Chính phủ Liên hiệp lâm thời gồm 16 thành viên do Chủ tịch Hồ Chí Minh làm Chủ tịch kiêm Bộ trưởng Bộ Ngoại giao đã tuyên bố một trong những nhiệm vụ quan trọng là “làm sao cho cuộc toàn dân tuyển cử được thành công mỹ mãn và chuẩn bị sẵn sàng việc khai Quốc hội” (Báo *Cứu quốc*, ngày 10-11-1945).

Ngày 5-1-1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ra Lời kêu gọi quốc dân đi bỏ phiếu, Người khẳng định ý nghĩa của cuộc Tổng tuyển cử: “Ngày mai là một ngày sẽ đưa quốc dân ta lên con đường mới mẻ... Ngày mai quốc dân ta sẽ tỏ cho thế giới biết rằng dân Việt Nam ta đã: Kiên

quyết đoàn kết chặt chẽ, Kiên quyết chống bọn thực dân, Kiên quyết tranh quyền độc lập... Ngày mai, mỗi người đều nên vui vẻ hưởng quyền lợi của một người dân độc lập, tự do” (Hồ Chí Minh toàn tập, t.4, 2011: 166-167).

Ngày 6-1-1946, cuộc Tổng tuyển cử đã diễn ra sôi nổi trong cả nước theo nguyên tắc phổ thông, bình đẳng, trực tiếp và bỏ phiếu kín. Nhìn chung, tại 71 tỉnh thành trong cả nước, 89% tổng số cử tri đã tham gia bỏ phiếu, bầu ra 333 đại biểu Quốc hội (Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Văn phòng Quốc hội, 2000: 52).

Thắng lợi của cuộc Tổng tuyển cử đánh dấu bước trưởng thành của nhà nước cách mạng Việt Nam, đánh dấu mốc phát triển nhảy vọt đầu tiên về thể chế cộng hòa dân chủ của Việt Nam; mở ra triển vọng của một thời kỳ mới, thời kỳ đất nước ta có một Quốc hội - cơ quan quyền lực tối cao của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Ngày 2-3-1946, Quốc hội họp kỳ đầu tiên tại Nhà hát lớn thành phố Hà Nội. Tại kỳ họp này, Quốc hội đã thực hiện nhiệm vụ quan trọng, đó là: Thành lập *Chính phủ Liên hiệp kháng chiến* và bầu *cơ quan lãnh đạo của Quốc hội*.

Trước nguy cơ chiến tranh đến gần và trước sự phá hoại của các thế lực thù địch, Quốc hội khóa I tiến hành thành lập Chính phủ Liên hiệp kháng chiến gồm 10 bộ<sup>1</sup> do Hồ Chí Minh làm Chủ tịch. “Quốc hội Việt Nam xét rằng: Đứng trước tình thế nước nhà đang bị thực dân Pháp xâm lăng, cần phải thống nhất tất cả lực lượng của toàn thể dân tộc và cần phải có một cơ quan điều khiển mạnh mẽ để kháng chiến đến đặc thắng”. Quốc hội công nhận Chính phủ Liên hiệp kháng chiến do Chủ tịch Hồ Chí Minh đứng đầu và “trao quyền bính cho Chính phủ ấy” (Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Văn phòng Quốc hội, 2000: 74).

<sup>1</sup> Gồm các bộ: Ngoại giao, Nội vụ, Kinh tế, Tài chính, Quốc phòng, Xã hội - y tế-cứu tế và Lao động, Giáo dục, Tư pháp, Giao thông công chính, Canh nông.

Quốc hội cũng thông qua danh sách Cố vấn đoàn và Kháng chiến ủy viên hội<sup>2</sup>.

Quốc hội quyết định thành lập *Ban Thường trực* để thay mặt Quốc hội điều hành công việc. Ban Thường trực gồm 15 ủy viên chính thức, 3 ủy viên dự khuyết. Ông Nguyễn Văn Tố được bầu làm Trưởng ban Thường trực Quốc hội.

Sau kỳ họp thứ nhất, Quốc hội giao cho Chính phủ thực hiện các công tác đối nội, đối ngoại, trong đó tập trung vào nhiệm vụ chuẩn bị kháng chiến và đấu tranh ngoại giao nhằm giảm nguy cơ chiến tranh.

Về đối nội, thực hiện Sắc lệnh số 63/SL ngày 22-11-1945 của Chính phủ, tổ chức bộ máy chính quyền các cấp gồm Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân được thành lập. *Việt Nam Công an vụ* - cơ quan an ninh quốc gia có hệ thống tổ chức từ Trung ương đến địa phương được thành lập theo Sắc lệnh số 23/SL ngày 21-2-1946 của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Lực lượng vũ trang cách mạng phát triển và thống nhất thành *Quân đội Quốc gia Việt Nam* theo Sắc lệnh số 71/SL ngày 22-5-1946.

Một số đoàn thể quần chúng và các đảng phái được thành lập: Hội Liên hiệp Quốc dân Việt Nam (29-5-1946), Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam (27-5-1946), Đảng Xã hội Việt Nam (22-7-1946), Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam (20-10-1946),...

Về đối ngoại, Quốc hội nhất trí với Chính phủ trong việc ký hiệp định đình chiến (Hiệp định Sơ bộ ngày 6-3-1946) và mở cuộc đàm phán với Pháp; cử một phái đoàn của Quốc hội do Phó Trưởng ban Thường trực Phạm Văn Đồng dẫn đầu sang thăm Pháp. Ngày 31-5-1946, theo lời mời của Chính phủ Pháp, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã sang thăm nước Pháp. Cũng trong thời gian này, đoàn đại biểu Chính phủ Việt Nam do Phạm Văn Đồng dẫn đầu

cũng sang Pháp dự cuộc đàm phán chính thức. Do âm mưu quyết xâm lược Việt Nam lần thứ hai nên cuộc đàm phán tại Fontainebleau không đạt kết quả. Để tỏ thiện chí hòa bình và để có thời gian chuẩn bị lực lượng kháng chiến, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã cùng Bộ trưởng Hải ngoại Pháp M.Moutet ký bản Tạm ước 14-9-1946.

Từ ngày 28-10 đến ngày 9-11-1946, Quốc hội tiến hành kỳ họp thứ hai. Tại kỳ họp này, Quốc hội đã quyết định nhiều vấn đề quan trọng của đất nước: Thông qua *Hiến pháp nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và thành lập Chính phủ mới*.

Ngày 3-11-1946, Chính phủ mới chính thức trình diện trước Quốc hội. Chính phủ gồm 12 bộ, do Chủ tịch Hồ Chí Minh đứng đầu<sup>3</sup>. Quốc hội cũng cử ra Ban Thường trực gồm 18 vị. Ông Bùi Bằng Đoàn được bầu làm Trưởng ban Thường trực Quốc hội.

Đặc biệt tại kỳ họp ngày 9-11, Quốc hội đã nhất trí thông qua *Hiến pháp đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa*. Bản Hiến pháp gồm Lời nói đầu, 7 chương và 70 điều. Hiến pháp - đạo luật cơ bản của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã quy định chính thể (chương I), Nghĩa vụ và Quyền lợi công dân (chương II), Nghị viện nhân dân (chương III), Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân (chương IV), Cơ quan tư pháp (chương V), Sửa đổi Hiến pháp (chương VII).

Về chính thể, Hiến pháp ghi rõ: “Nước Việt Nam là một nước dân chủ cộng hòa. Tất cả quyền bính trong nước là của toàn thể nhân dân Việt Nam, không phân biệt nòi giống, gái trai, giàu nghèo, tôn giáo” (Điều 1). “Đất nước Việt Nam là một khối thống nhất, Trung Nam Bắc không thể phân chia” (Điều 2). “Cờ của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa nền đỏ, giữa có

<sup>2</sup> Trưởng đoàn cố vấn là Vĩnh Thụy (Bảo Đại), Chủ tịch Kháng chiến Ủy viên hội là Võ Nguyên Giáp.

<sup>3</sup> 12 bộ gồm: Ngoại giao, Nội vụ, Quốc phòng, Giáo dục, Tài chính, Giao thông công chính, Y tế, Lao động, Tư pháp, Canh nông, Cứu tế, Kinh tế.

sao vàng năm cánh. Quốc là bài Tiến quân ca. Thủ đô đặt tại Hà Nội” (Điều 3).

Về tổ chức Nhà nước, Hiến pháp quy định rõ tổ chức, quyền hạn của Nghị viện nhân dân (Quốc hội) và của Chính phủ. Điều 22 Hiến pháp ghi rõ: “Nghị viện nhân dân là cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa”. Về Chính phủ, Điều 43 ghi: “Cơ quan hành chính cao nhất của toàn quốc là Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa”. Hiến pháp cũng quy định hệ thống tổ chức và quyền hạn của Hội đồng nhân dân và Ủy ban hành chính các cấp, hệ thống và quyền hạn của cơ quan tư pháp.

Hiến pháp năm 1946 được Quốc hội khóa I thông qua là Hiến pháp đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, khẳng định quyền dân tộc độc lập, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ và quyết tâm bảo vệ Tổ quốc của toàn dân, xây dựng thể chế cộng hòa dân chủ, một chế độ đảm bảo quyền tự do dân chủ của mọi công dân Việt Nam.

Đánh giá về Hiến pháp nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa do Quốc hội thông qua, Chủ tịch Hồ Chí Minh viết: “Bản Hiến pháp đầu tiên trong lịch sử nước nhà... là một vết tích lịch sử, Hiến pháp đầu tiên trong cõi Á Đông... Hiến pháp đó tuyên bố với thế giới nước Việt Nam đã độc lập. Hiến pháp đó tuyên bố với thế giới biết dân tộc Việt Nam đã có đủ mọi quyền tự do” (Hồ Chí Minh toàn tập, t.4, 2011: 491).

Như vậy, đến kỳ họp thứ hai, với việc ban hành Hiến pháp, Quốc hội khóa I đã hoàn thành cơ bản *việc hợp pháp hóa chính thức Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa*. Nhà nước Việt Nam là Nhà nước Dân chủ - Cộng hòa, có đầy đủ các cơ quan: Nghị viện, Hành pháp và Tư pháp. Bản Hiến pháp - Đạo luật cơ bản và pháp lý cao nhất của một nhà nước, quy định rõ tổ chức, quyền hạn của Nghị viện nhân dân (Quốc

hội), của Chính phủ và cơ quan tư pháp, quyền hạn của công dân Việt Nam.

## **2.2. Đồng hành cùng dân tộc tiến hành thắng lợi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, chuẩn bị các điều kiện để đưa đất nước sang thời kỳ mới - thời kỳ xây dựng chủ nghĩa xã hội và đấu tranh thống nhất nước nhà**

Ngày 19-12-1946, sau hơn 1 năm hòa hoãn, nhân nhượng để đẩy lùi nguy cơ chiến tranh, nhưng “chúng ta càng nhân nhượng, thực dân Pháp càng lấn tới, vì chúng quyết tâm cướp nước ta lần nữa”, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ra *Lời kêu gọi Toàn quốc kháng chiến* với tinh thần “thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ” (Hồ Chí Minh toàn tập, t.4, 2011: 534). Ngày 22-12-1946, Ban Thường vụ Trung ương Đảng ra Chỉ thị “Toàn dân kháng chiến”, nêu rõ cuộc kháng chiến của nhân dân ta là cuộc chiến tranh nhân dân, toàn dân, toàn diện.

Để tiến hành cuộc kháng chiến lâu dài, các cơ quan Trung ương, các bộ, ngành chuyển lên chiến khu Việt Bắc. Do điều kiện chiến tranh, nên chỉ có Trường ban Thường trực Quốc hội ở cùng với Chính phủ để theo dõi đường lối và cùng với Chính phủ chỉ đạo cuộc kháng chiến. Đây là nét đặc biệt của Quốc hội Việt Nam - Quốc hội kháng chiến.

Trong thời kỳ này, Chính phủ luôn được cải tổ cho phù hợp với yêu cầu của cuộc kháng chiến. Một số nhân sỹ, trí thức được Chủ tịch Hồ Chí Minh mời giữ một số ghế trong Chính phủ<sup>4</sup>. Hội đồng Quốc phòng tối cao được thành lập, bộ máy chính quyền từ Trung ương đến địa phương từng bước được kiện toàn.

Từ tháng 12-1946 đến tháng 7-1954, căn cứ vào Hiến pháp được Quốc hội thông qua tháng

<sup>4</sup> Phan Anh giữ chức Bộ trưởng Bộ Kinh tế, Hoàng Minh Giám giữ chức Bộ trưởng Bộ Ngoại giao, Tạ Quang Bửu giữ chức Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Phan Kế Toại giữ chức Bộ trưởng Bộ Nội vụ (sau khi Huỳnh Thúc Kháng từ trần). Tháng 1-1948, Võ Nguyên Giáp được phong hàm Đại tướng và tháng 7-1948 được cử giữ chức Bộ trưởng Bộ Quốc phòng kiêm Tổng chỉ huy Quân đội Quốc gia và dân quân Việt Nam.

11-1946 và từ thực tiễn yêu cầu của cuộc kháng chiến, Chính phủ đã ban hành khoảng 400 sắc lệnh và nhiều nghị định, thông tư để điều hành cuộc kháng chiến (Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Văn phòng Quốc hội, 2000: 126-127). Các sắc lệnh của Chính phủ đều có sự thỏa thuận của Ban Thường trực Quốc hội.

Về đối ngoại, đầu năm 1950, sau thắng lợi của cách mạng Trung Quốc và với những chiến thắng mà nhân dân Việt Nam giành được trên chiến trường, ngày 14-1-1950, Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra Tuyên bố “*cùng chính phủ các nước trên thế giới*” khẳng định: “Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa là Chính phủ hợp pháp duy nhất của toàn thể nhân dân Việt Nam... Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa sẵn sàng đặt quan hệ ngoại giao với chính phủ nước nào trọng quyền bình đẳng, chủ quyền lãnh thổ và chủ quyền quốc gia của nước Việt Nam, để cùng nhau bảo vệ hòa bình và xây đắp dân chủ thế giới” (Hồ Chí Minh toàn tập, t.6, 2011: 310-311). Sau tuyên bố ngày 14-1-1950 của Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa, Liên Xô và các nước dân chủ nhân dân ở châu Á và châu Âu như Triều Tiên, Anbani, Ba Lan, Bungari, Cộng hòa Dân chủ Đức, Hungari, Rumani, Tiệp Khắc tuyên bố đã đặt quan hệ ngoại giao với Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, đánh dấu sự trưởng thành và hội nhập của Việt Nam trên trường quốc tế.

Về kinh tế, từ năm 1949, được sự đồng tình của Ban Thường trực Quốc hội, Chính phủ đã ban hành nhiều sắc lệnh, nghị định và thông tư về chính sách ruộng đất, bao gồm sắc lệnh về giảm tô, về quy định lĩnh canh.

Đặc biệt, Đại hội lần thứ II (2-1951) của Đảng đã quyết định Đảng ra công khai trực tiếp lãnh đạo cuộc kháng chiến nhằm hoàn thành sự nghiệp giải phóng dân tộc, xóa bỏ di tích phong kiến, phát triển chế độ dân chủ nhân dân, làm cho

nước Việt Nam độc lập, dân chủ, tự do, thống nhất, phú cường và tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Đầu năm 1953, theo đề nghị của Chính phủ, Hội nghị liên tịch giữa Ban Thường trực Quốc hội và Ủy ban Mặt trận Liên Việt đã thảo luận Đề án “Phóng tay phát động quần chúng, triệt để giảm tô, thực hiện giảm tức” của Trung ương Đảng Lao động Việt Nam.

Thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về Cương lĩnh ruộng đất và cải cách ruộng đất, Quốc hội đã tiến hành kỳ họp lần thứ ba tại Việt Bắc từ ngày 1 đến 4-12-1953. Ngày 4-12-1953, Quốc hội đã biểu quyết nhất trí tán thành Luật cải cách ruộng đất; tiếp đó ngày 19-12-1953, Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã ký Sắc lệnh số 197/SL ban bố “*Luật cải cách ruộng đất*”. Luật có 5 chương, 38 điều, trong đó nêu rõ mục đích và ý nghĩa của cải cách ruộng đất là “Thủ tiêu quyền chiếm hữu ruộng đất của thực dân Pháp và của đế quốc xâm lược khác ở Việt Nam, xóa bỏ chế độ phong kiến chiếm hữu ruộng đất của giai cấp địa chủ... thực hiện chế độ sở hữu ruộng đất cho nông dân”. Với việc thông qua quyết sách cải cách ruộng đất, Quốc hội khóa I kỳ họp thứ ba được đánh giá là “*Quốc hội cách mạng. Quốc hội kháng chiến. Quốc hội cải cách ruộng đất*” (Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Văn phòng Quốc hội, 2000: 138).

Giữa lúc cuộc vận động giảm tô, cải cách ruộng đất đang diễn ra sôi nổi thì trên mặt trận quân sự, quân và dân ta mở các cuộc tiến công và giành thắng lợi liên tiếp trên khắp các chiến trường, mà đỉnh cao là chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ. Chiến thắng Điện Biên Phủ cùng với thắng lợi trên mặt trận ngoại giao đã đưa đến việc ký Hiệp định Geneva, chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Đông Dương. Trong bản Hiệp định này, điều quan trọng đối với nước ta là: Các nước tham gia Hội nghị cam kết tôn trọng quyền dân tộc cơ bản là độc lập, chủ

quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của nhân dân Việt Nam, Lào và Campuchia.

Như vậy, kể từ khi được thành lập năm 1946 đến tháng 7-1954, Quốc hội khóa I đã hoàn thành các công việc mang tính quyết định, đó là *hợp pháp hóa Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa về cả đối nội và đối ngoại; hiện thực hóa Lời thề độc lập mà toàn dân đã hứa trong Lễ Tuyên bố độc lập ngày 2-9-1945*.

Từ tháng 7-1954, theo Hiệp định Geneva, Việt Nam tạm thời chia làm hai miền lấy vĩ tuyến 17 làm ranh giới, sau 2 năm sẽ tiến hành Tổng tuyển cử thống nhất đất nước. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân Việt Nam đồng thời tiến hành hai nhiệm vụ khác nhau. Miền Bắc sau ngày giải phóng đã bước vào thời kỳ khôi phục, cải tạo, phát triển kinh tế, văn hóa theo con đường xã hội chủ nghĩa. Miền Nam tiếp tục cuộc cách mạng dân tộc dân chủ, giải phóng miền Nam, tiến tới hòa bình, thống nhất đất nước.

Sau khi miền Bắc giải phóng, Trung ương Đảng, Chính phủ, Quốc hội về lại Thủ đô Hà Nội. Từ năm 1955 đến hết nhiệm kỳ (tháng 4-1960), Quốc hội khóa I đã tiến hành 9 kỳ họp, từ kỳ họp thứ tư đến kỳ họp thứ mười hai. Trong 9 kỳ họp, Quốc hội đã giải quyết những vấn đề quan trọng và cấp bách của đất nước.

Tại kỳ họp thứ 4 (tháng 3-1955), trong Lời phát biểu chào mừng Quốc hội, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định: “Quốc hội đã cùng Chính phủ và sát cánh với nhân dân đoàn kết và chiến đấu cho sự nghiệp giải phóng dân tộc. Quốc hội đã góp phần rất to lớn vào thắng lợi của kháng chiến. Thắng lợi ấy đã đưa đến lập lại hòa bình trên đất nước yêu quý của chúng ta” (Hồ Chí Minh toàn tập, t.9, 2011: 376-377).

*Về đường lối cách mạng Việt Nam trong thời kỳ mới*, tại kỳ họp thứ tư, Quốc hội tỏ rõ ý chí của toàn dân kiên quyết thi hành triệt để Hiệp định Geneva, kiên quyết đấu tranh cho hòa bình thống nhất nước nhà. Đối với cách mạng miền Nam, trong năm 1959, sau nhiều lần

hợp và thảo luận, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã ra Nghị quyết 15 chuyển hướng cách mạng miền Nam từ đấu tranh chính trị giữ gìn lực lượng sang kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang, tiến tới giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Tại kỳ họp lần thứ 11 (tháng 12-1959), Quốc hội ra Nghị quyết nêu rõ: “Nước Việt Nam là một. Dân tộc Việt Nam là một. Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tiêu biểu cho tính chất thống nhất của nhân dân ta từ Bắc chí Nam” (Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, 2006: 1289), và kêu gọi đồng bào miền Nam anh dũng đấu tranh chống Mỹ và chính quyền tay sai, hoàn thành cách mạng dân tộc, dân chủ, tiến tới hòa bình, thống nhất đất nước.

*Về tiếp tục hoàn thiện Nhà nước*, tại kỳ họp thứ năm (tháng 9-1955), Quốc hội quyết định Quốc kỳ, Quốc ca, Quốc huy và mở rộng và bổ sung Chính phủ. Chính phủ mới gồm 17 bộ và Phủ Thủ tướng<sup>5</sup> do Hồ Chí Minh làm Chủ tịch, Phạm Văn Đồng làm Thủ tướng kiêm Bộ trưởng Bộ Ngoại giao. Quốc hội đã bầu ông Tôn Đức Thắng làm Trưởng ban Thường trực Quốc hội thay ông Bùi Bằng Đoàn đã từ trần. Đến giữa năm 1959, sau nhiều lần bổ sung và điều chỉnh, Chính phủ Việt Nam gồm 20 bộ và cơ quan ngang bộ<sup>6</sup>.

Đặc biệt, thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 17 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, sau 4 tháng lấy ý kiến của toàn thể nhân dân, Quốc hội đã thông qua *Hiến pháp mới*. Sau khi được Quốc hội thông qua tại phiên họp ngày 31-12-1959, ngày 1-1-1960, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký Sắc lệnh số 01/SL công bố Hiến pháp mới.

<sup>5</sup> Các bộ gồm: Ngoại giao, Nội vụ, Quốc phòng, Công an, Giáo dục, Tài chính, Giao thông và bưu điện, Thủy lợi và Kiến trúc, Công nghiệp, Thương nghiệp, Y tế, Lao động, Tư pháp, Văn hóa, Thương binh, Cứu tế, Nông lâm.

<sup>6</sup> Các bộ gồm: Ngoại giao, Nội vụ, Quốc phòng, Công an, Giáo dục, Nội thương, Ngoại thương, Thủy lợi, Kiến trúc, Tài chính, Công nghiệp, Nông lâm, Y tế, Lao động, Tư pháp, Văn hóa, Giao thông và Bưu điện, Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, Ủy ban Khoa học Nhà nước, Phủ Thủ tướng.

Hiến pháp năm 1959 của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa gồm Lời nói đầu và 10 chương với 112 điều, gồm các nội dung: Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa; Chế độ kinh tế và xã hội; Quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân; Quốc hội; Chủ tịch nước; Hội đồng Chính phủ; Hội đồng nhân dân và Ủy ban hành chính địa phương các cấp; Tòa án nhân dân và Viện kiểm sát nhân dân; Quốc kỳ-Quốc huy-Thủ đô và Sửa đổi Hiến pháp.

Việc Quốc hội thông qua và Nhà nước ban hành Hiến pháp năm 1959 có ý nghĩa đặc biệt, như Chủ tịch Hồ Chí Minh nhận định: “Ngày mai là năm mới, nhân dân ta có bản Hiến pháp mới, đó là một kỷ nguyên mới, đẩy mạnh tiến bộ mới trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và đấu tranh thống nhất nước nhà” (Hồ Chí Minh toàn tập, t.12, 2011: 393).

*Về tiếp tục hoàn thiện các luật, sắc luật*, tại kỳ họp thứ sáu (từ 29-12-1956 đến 25-1-1957), Quốc hội đã thông qua 4 luật, đó là luật về quyền tự do hội họp; quyền lập hội; về bảo đảm quyền tự do thân thể và quyền bất khả xâm phạm đối với nhà ở, đồ vật, thư tín của nhân dân; về chế độ báo chí. Kỳ họp thứ bảy (tháng 9-1957), Quốc hội đã thông qua bốn sắc luật, trong đó có sắc luật về xuất bản, về quy định thể lệ bầu cử Hội đồng nhân dân và Ủy ban hành chính các cấp và thông qua Luật Công đoàn. Tại kỳ họp lần thứ 11, Quốc hội đã thảo luận và thông qua luật bầu cử Quốc hội, Luật hôn nhân gia đình.

*Về chính sách phát triển kinh tế, văn hóa*, tại kỳ họp thứ tư, Quốc hội đã thông qua nhiệm vụ khôi phục và phát triển kinh tế, văn hóa, xây dựng và củng cố quốc phòng; đề ra nguyên tắc đảm bảo tự do tín ngưỡng; thông qua chính sách dân tộc với việc thành lập Khu tự trị Thái Mèo (Tây Bắc) và Khu tự trị Việt Bắc; tiếp tục thực hiện giảm tô và cách cách ruộng đất trong tình hình mới.

Tại kỳ họp thứ năm (tháng 9-1955), Quốc hội đã “vạch ra đường lối, phương châm khôi

phục kinh tế để củng cố miền Bắc, làm cơ sở vững mạnh cho cuộc đấu tranh của toàn dân, để củng cố hòa bình và thực hiện thống nhất đất nước” (Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Văn phòng Quốc hội, 2000: 157). Tại kỳ họp thứ sáu (từ 29-12-1956 đến 25-01-1957), Quốc hội đã tiến hành “kiểm điểm công tác nội trị và ngoại giao của Chính phủ”, trong đó có việc kiểm điểm công tác cải cách ruộng đất. Quốc hội đã ra Nghị quyết tán thành đánh giá về thành tích và khuyết điểm sai lầm trong cải cách ruộng đất và những biện pháp sửa sai. Nghị quyết chỉ rõ những sai lầm nghiêm trọng trong cuộc vận động cải cách ruộng đất “trái với một số điều đã ghi trong luật cải cách ruộng đất mà Quốc hội đã thông qua, trái với chế độ pháp trị dân chủ của Nhà nước, với chính sách của Mặt trận Tổ Quốc” (Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, 2006: 800) và đồng ý với Chính phủ thi hành kỷ luật một số cán bộ có trách nhiệm chính trong việc phạm sai lầm này.

Tại kỳ họp lần thứ tám (tháng 4-1958), Quốc hội đã thông qua Nghị quyết về nhiệm vụ kế hoạch 3 năm (1958-1960) và khẳng định: “miền Bắc nước ta đã chấm dứt giai đoạn khôi phục kinh tế và chuyển sang giai đoạn phát triển và cải tạo kinh tế theo chủ nghĩa xã hội..., mở đầu một giai đoạn mới có ý nghĩa lịch sử trong sự nghiệp xây dựng miền Bắc tiến dần lên chủ nghĩa xã hội, làm cơ sở vững chắc cho cuộc đấu tranh thống nhất nước nhà” (Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, 2006: 1065). Quốc hội đã thông qua cương lĩnh đấu tranh của nhân dân miền Bắc là hòa bình tiến dần lên chủ nghĩa xã hội dưới sự lãnh đạo của Đảng Lao động Việt Nam. Kỳ họp thứ chín (tháng 12-1958) Quốc hội đã ra nghị quyết thông qua toàn bộ kế hoạch 3 năm 1958-1960. Tại kỳ họp lần thứ mười (tháng 5-1959), Quốc hội thông qua một số nghị quyết, trong đó có nghị quyết về vấn đề hợp tác hóa nông nghiệp,

coi đây là khâu chính trong toàn bộ công cuộc cải tạo và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc.

*Về hoạt động đối ngoại*, Quốc hội đồng hành cùng Chính phủ đẩy mạnh hoạt động ngoại giao nhằm tranh thủ sự ủng hộ của các nước trên thế giới đối với cuộc kháng chiến và sự nghiệp xây dựng đất nước của nhân dân Việt Nam. Trong thời gian từ 1954 đến 1960, Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã thiết lập quan hệ ngoại giao với các nước như Mông Cổ, Nam Tư, Cộng hòa Ghinê, Cộng hòa Mali, Vương quốc Maroc, Cộng hòa Congo; công nhận Chính phủ lâm thời Angiêri, đặt quan hệ kinh tế với Cộng hòa Ả-rập thống nhất, Irắc, Iêmen,...

Tháng 4-1960, Quốc hội khóa I tiến hành kỳ họp cuối cùng, kỳ họp lần thứ 12. Tại kỳ họp này, Quốc hội đã thông qua kế hoạch nhà nước năm 1960 và Luật nghĩa vụ quân sự. Ngày 8-5-1960, nhân dân miền Bắc đã tiến hành bầu Quốc hội khóa II. Sau 14 năm hoạt động, Quốc hội khóa I nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã làm tròn một cách vẻ vang nhiệm vụ của những người đại biểu của nhân dân.

### 3. Kết luận

Kể từ ngày 6-1-1946, ngày Tổng tuyển cử đầu tiên bầu Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đến ngày 15-4-1960, ngày bế mạc kỳ họp cuối cùng, Quốc hội khóa I đã trải qua 14 năm hoạt động trong điều kiện vô cùng khó khăn, thử thách, song đã hoàn thành những nhiệm vụ rất cơ bản và to lớn.

Với tư cách là cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất, Quốc hội Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã thực thi việc lập hiến và lập pháp, hoàn thiện Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Hơn 14 năm hoạt động trong điều kiện vô cùng khó khăn, song Quốc hội đã hai lần xây dựng Hiến pháp. Hiến pháp năm 1946 - Hiến pháp đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã khẳng định quyền dân tộc độc lập, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ; quy định thể chế cộng hòa dân chủ, một chế độ đảm bảo quyền

tự do dân chủ của mọi công dân Việt Nam. Sau khi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp thắng lợi, miền Bắc được giải phóng, để phù hợp với điều kiện và yêu cầu mới của đất nước, Quốc hội đã thông qua và ban hành Hiến pháp mới-Hiến pháp năm 1959, mở ra một kỷ nguyên mới trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và đấu tranh thống nhất nước nhà.

Cùng với việc ban hành Hiến pháp, Quốc hội đã thành lập cơ quan hành pháp, đó là Chính phủ Liên hiệp kháng chiến (3-1946) rồi Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (11-1946) và hệ thống chính quyền địa phương các cấp. Quốc hội cũng quyết định thành lập cơ quan tư pháp như Tòa án, Viện Kiểm sát nhân dân; thành lập lực lượng vũ trang và công an nhân dân. Việc ban hành Hiến pháp và thành lập các cơ quan hành pháp, tư pháp, lực lượng vũ trang và công an nhân dân đã hoàn thiện và hợp pháp hóa Nhà nước Việt Nam theo thể chế cộng hòa dân chủ.

Cùng với đó, Quốc hội đã thông qua nhiều đạo luật lớn như Luật Cải cách ruộng đất, Luật bảo đảm quyền tự do thân thể và quyền bất khả xâm phạm đối với nhà ở, đồ vật và thư tín của nhân dân, Luật về quyền tự do hội họp, Luật về quyền tự do lập hội, Luật về chế độ báo chí, Luật công đoàn, Luật về hôn nhân gia đình, Luật bầu cử Quốc hội... Hiến pháp và các luật mà Quốc hội thông qua đã thể hiện quyền dân tộc cơ bản và quyền tự do dân chủ của nhân dân.

Cùng với công việc lập pháp, Quốc hội đồng hành cùng Chính phủ đẩy mạnh hoạt động đối ngoại. Năm 1950, mới có 10 nước đặt quan hệ ngoại giao với Việt Nam thì đến năm 1960, đã có 16 nước. Việt Nam còn có quan hệ với nhiều tổ chức quốc tế, có quan hệ kinh tế, văn hóa với nhiều quốc gia khác. Việc các nước xã hội chủ nghĩa và dân tộc chủ nghĩa công nhận Việt Nam Dân chủ Cộng hòa có ý nghĩa hết sức to lớn như Chủ tịch Hồ Chí Minh nhận định: “Mấy năm kháng chiến đã đưa lại cho nước ta

một cuộc thắng lợi to lớn nhất trong lịch sử Việt Nam, tức là hai nước lớn nhất trên thế giới - Liên Xô và Trung Quốc dân chủ, và các nước dân chủ mới đã thừa nhận nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa là một nước ngang hàng trong đại gia đình dân chủ thế giới” (Hồ Chí Minh toàn tập, t.6, 2011: 423-424).

Trong suốt 14 năm hoạt động trong điều kiện đầy khó khăn, Quốc hội luôn bên cạnh Chính phủ, sát cánh và động viên toàn quân, toàn dân xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng trong tình thế “ngàn cân treo sợi tóc” trong hai năm 1945-1946; tiến hành thắng lợi cuộc kháng chiến trường kỳ, toàn dân, toàn diện chống thực dân Pháp xâm lược và can thiệp Mỹ (1946-1954), kết thúc bằng chiến thắng Điện Biên Phủ “chấn động địa cầu”.

Cùng với thắng lợi trên mặt trận quân sự, Quốc hội cùng Chính phủ đã thực hiện những cải cách dân chủ, từng bước đem lại ruộng đất cho nông dân, tiến hành cải cách ruộng đất, thực hiện khẩu hiệu “Người cày có ruộng”; chăm lo phát triển giáo dục-đào tạo, y tế, đảm bảo đời sống vật chất và tinh thần cho nhân

dân, huy động sức mạnh của toàn dân cho công cuộc kháng chiến-kiến quốc.

Trong giai đoạn từ năm 1954 đến năm 1960, Quốc hội đã thông qua các kế hoạch khôi phục, cải tạo và phát triển kinh tế, văn hóa, từng bước nâng cao đời sống nhân dân, củng cố và tăng cường Nhà nước, tạo điều kiện để đưa đất nước sang thời kỳ phát triển mới: Thời kỳ xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh thống nhất nước nhà như tinh thần Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ III năm 1960 đã đề ra.

Đánh giá về vai trò của Quốc hội khóa I, phát biểu trong kỳ họp cuối ngày 15-4-1960, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói: “Quốc hội ta là Quốc hội dân chủ đầu tiên ở vùng Đông Nam châu Á, cũng là Quốc hội đầu tiên của các nước thuộc địa cũ được độc lập tự do. Suốt mười bốn năm, Quốc hội đã đoàn kết nhân dân, giúp đỡ Chính phủ lãnh đạo cuộc kháng chiến thắng lợi và thực hiện nhiều chính sách to lớn, ích nước lợi dân... Quốc hội ta đã hết lòng vì dân vì nước, đã làm trọn một cách vẻ vang nhiệm vụ của những người đại biểu của nhân dân” (Hồ Chí Minh toàn tập, t.12, 2011: 548, 550).

### Tài liệu tham khảo

Báo *Cứu quốc*, ngày 10-11-1945.

Đảng Cộng sản Việt Nam. (2000). *Văn kiện Đảng toàn tập*. t.8. Nxb. Chính trị Quốc gia.

*Hồ Chí Minh toàn tập*. (2011). t.4. Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia - Sự thật.

*Hồ Chí Minh toàn tập*. (2011). t.6. Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia - Sự thật.

*Hồ Chí Minh toàn tập*. (2011). t.9. Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia - Sự thật.

*Hồ Chí Minh toàn tập*. (2011). t.12. Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia - Sự thật.

Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Văn phòng Quốc hội. (2000). *Lịch sử Quốc hội Việt Nam 1946-1960*. Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia.

Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. (2006). *Văn kiện Quốc hội toàn tập*. t.1: 1945-1960. Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia.